

KẾ HOẠCH
Kiểm tra giữa kì I năm học 2025-2026

Căn cứ Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông;

Công văn số 7991/BGDĐT-GDTrH ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Bộ GDĐT về việc thực hiện kiểm tra, đánh giá đối với cấp THCS, THPT;

Căn cứ công văn số 4555/BGDĐT-GDPT ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2025-2026;

Căn cứ Thông tư 17/2025/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ vào kế hoạch nhiệm vụ giáo dục năm học 2025-2026 và tình hình thực tế của nhà trường.

Trường THCS Lê Quý Đôn xây dựng kế hoạch kiểm tra Giữa học kì I năm học 2025-2026 cụ thể như sau:

1. Yêu cầu

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá học sinh theo Thông tư số 22/2021/TTBGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT về quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông; và bám sát các nội dung điều chỉnh theo Thông tư 17/2025/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Kiểm tra, đánh giá đảm bảo tính chính xác, toàn diện, công bằng, trung thực và khách quan; phù hợp với năng lực của học sinh, vì sự tiến bộ của học



sinh và căn cứ vào yêu cầu cần đạt của chương trình được qui định đối với từng môn học/nội dung/hoạt động theo kế hoạch giáo dục của nhà trường; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong học tập và rèn luyện của học sinh; không kiểm tra đánh giá vượt quá yêu cầu cần đạt hoặc mức độ cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông.

2. Hình thức kiểm tra, đánh giá

2.1. Đối với môn Tiếng Anh

- Đối với môn Tiếng Anh, tiếp tục thực hiện kiểm tra đánh giá theo đúng tinh thần hướng dẫn tại Công văn 2247/SGDDT-GDTrH ngày 06/9/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Nam (cũ) về việc Hướng dẫn dạy học ngoại ngữ năm học 2024-2025, đảm bảo nguyên tắc kiểm tra đầy đủ, cân đối, hài hòa các kỹ năng và kiến thức ngôn ngữ trong suốt quá trình học tập của học sinh; linh hoạt vận dụng các dạng câu hỏi trong đề minh họa tuyển sinh lớp 10 môn tiếng Anh của Sở GDĐT vào đánh giá định kì để giúp học sinh lớp 9 làm quen với đề thi tuyển sinh lớp 10.

2.2. Đối với Môn Ngữ văn

2.2.1. Yêu cầu chung

a) Cấu trúc, nội dung đề kiểm tra

- Đề kiểm tra gồm 2 phần: Đọc hiểu và Viết.

- Phần Đọc hiểu: Ngữ liệu đọc hiểu là văn bản/đoạn trích có thể loại, nội dung đảm bảo yêu cầu cần đạt về đọc hiểu được quy định trong Chương trình¹ tương đương với các văn bản/đoạn trích đã học tại thời điểm kiểm tra.

- Phần Viết: Giáo viên lựa chọn kiểu bài viết phù hợp với mục đích kiểm tra và yêu cầu cần đạt của phần Viết được quy định trong Chương trình tương ứng với thời điểm kiểm tra.

* *Lưu ý:* Tránh dùng lại các văn bản/đoạn trích đã học trong sách giáo khoa để làm ngữ liệu trong đề kiểm tra ở phần Đọc hiểu và phần Viết.

b) Hình thức đề kiểm tra: Tự luận hoặc kết hợp trắc nghiệm với tự luận.

c) Mức độ nhận thức

- Tổng tỉ lệ phần trăm điểm các mức độ nhận thức trong phần Đọc hiểu và phần Viết của đề kiểm tra đảm bảo như sau: nhận biết 40%, thông hiểu 30%, vận dụng 30%.

¹ Chương trình môn Ngữ văn 2018 tương ứng với lớp học.

- Tuỳ vào mức độ khó/dễ của nội dung ngữ liệu và các câu hỏi/yêu cầu trong đề kiểm tra, giáo viên linh hoạt cơ cấu số điểm, số lượng câu hỏi/yêu cầu trong phần Đọc hiểu và phần Viết.

+ Về số điểm: Phần Đọc hiểu dao động từ 4.0 điểm đến 6.0 điểm, phần Viết dao động tương ứng từ 6.0 điểm đến 4.0 điểm.

+ Về số lượng câu hỏi/yêu cầu:

Phần Đọc hiểu: Đề kiểm tra cơ cấu số lượng câu hỏi/yêu cầu phù hợp với độ khó/dễ của đề; với số điểm, thời gian làm bài và tỉ lệ các mức độ nhận thức, thông hiểu, vận dụng.

Phần Viết: Viết bài làm văn phù hợp với yêu cầu Viết được quy định trong Chương trình tại thời điểm kiểm tra; chú ý cơ cấu tỉ lệ phần trăm điểm các mức nhận biết, thông hiểu, vận dụng của bài viết tương ứng với phần Đọc hiểu sao cho tổng phần trăm điểm các mức độ nhận thức của đề kiểm tra đảm bảo quy định.

2.2.2. Yêu cầu cụ thể

a) Đối với các lớp 6, 7, 8: Thực hiện như hướng dẫn ở phần I.

b) Đối với lớp 9: Thực hiện như hướng dẫn ở phần I, ưu tiên xây dựng đề kiểm tra bằng hình thức trắc nghiệm kết hợp với tự luận.

*** Hồ sơ đề kiểm tra gồm: Ma trận, bản đặc tả, đề và hướng dẫn chấm.**

2.3. Đối với các môn còn lại

- Các môn đánh giá bằng nhận xét kết hợp với điểm số được thực hiện cụ thể như sau: Kiểm tra theo hình thức trắc nghiệm khách quan (TNKQ) kết hợp với tự luận. Tỉ lệ điểm của phần câu hỏi TNKQ từ 30% đến 50%. Khuyến khích thực hiện đa dạng các loại câu hỏi TNKQ (*trắc nghiệm nhiều lựa chọn, trắc nghiệm đúng sai và trắc nghiệm trả lời ngắn*).

* Môn Tin học: Do điều kiện về máy tính mỗi phòng thực hành không đủ 01 học sinh/01 máy nên chỉ kiểm tra phần lý thuyết.

- Các môn đánh giá bằng nhận xét thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT, Công văn số 5636/BGDĐT-GDTrH¹.

3. Mức độ nhận thức của đề kiểm tra

Đề kiểm tra được xây dựng theo định hướng đánh giá năng lực học sinh có tỉ lệ điểm ở các mức độ nhận thức như sau: Nhận biết (40%), Thông hiểu (30%), Vận dụng (30%).

¹ Công văn số 5636/BGDĐT-GDTrH ngày 10/10/2023 của Bộ GDĐT về xây dựng kế hoạch dạy học các môn học Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

4. Thời lượng, thời điểm kiểm tra

4.1. Thời lượng kiểm tra các môn

- Các môn Toán, Ngữ văn, KHTN: 90 phút.
- Môn Tiếng Anh, Lịch sử & Địa lí, Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp: 60 phút.
- Các môn còn lại: 45 phút.

4.2. Thời điểm tổ chức kiểm tra

- Các môn: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, KHTN và Lịch sử & Địa lí: Kiểm tra trong tuần 9, từ ngày 03/11/2025 đến ngày 08/11/2025 (*Theo lịch chung toàn trường kèm theo*).
- Các môn còn lại: Kiểm tra theo tiết học trong tuần 8, từ ngày 27/10/2025 đến ngày 01/11/2025.

5. Yêu cầu đề kiểm tra

- Đề kiểm tra, hướng dẫn chấm, bảng đặc tả, ma trận đề phải được đánh vi tính và làm chung 1 file, làm đúng theo mẫu hướng dẫn, phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 12 hoặc 13.

- Mỗi môn/lớp ra 2 bộ đề, mỗi bộ có đề A, B và có đề riêng cho học sinh khuyết tật.

- Thời gian nộp đề: Các môn kiểm tra tuần 8 hạn chót nộp vào **thứ Hai, ngày 20/10/2025**, các môn kiểm tra tuần 9 hạn chót nộp vào **thứ Hai, ngày 27/10/2025**.

* **Lưu ý:** Giáo viên gửi nội dung ôn tập đến học sinh, BGH nhà trường trước thời gian kiểm tra 2 tuần và có ký duyệt của Tổ trưởng hoặc Tổ phó chuyên môn; và tổ chức ôn tập cho học sinh trước thời gian kiểm tra 1 tuần.

- **Địa chỉ gửi đề về nhà trường:**

+ Đề môn Toán và KHTN khối 6, 8, 9 gửi vào gmail cá nhân thầy Huỳnh Thanh Hoà (HT): huynhthanhhoanct@gmail.com

+ Đề các môn khối 7 nộp vào gmail cá nhân thầy Huỳnh Quang Hoà (PHT): huynhquanghoa.huynhl@gmail.com

+ Đề các môn còn lại khối 6, 8, 9 gửi vào gmail cá nhân thầy Nguyễn Văn Khâm (PHT): vankhamtg@gmail.com

6. Tổ chức việc kiểm tra, đánh giá

- Thực hiện kiểm tra, đánh giá đảm bảo quy định theo kế hoạch. Trong quá trình tổ chức thực hiện kiểm tra, cần chú trọng các nội dung sau:

- + Thống nhất hình thức và cấu trúc đề của từng môn theo hướng dẫn;
- + Thực hiện xây dựng ma trận, đặc tả đề kiểm tra/yêu cầu cần đạt về các năng lực đặc thù cho từng khối, ra đề kiểm tra đảm bảo tính chính xác, đồng đều giữa các mã đề trong cùng một khối lớp; Tổ trưởng và Tổ phó chuyên môn quản lí, phê duyệt ma trận, đặc tả đề/yêu cầu cần đạt về các năng lực đặc thù trước khi biên soạn đề; Lãnh đạo nhà trường kiểm duyệt đề thật kỹ trước khi sao in;
- + Xây dựng tiêu chí đánh giá các nội dung kiểm tra đối với các môn đánh giá bằng nhận xét;
- + Thực hiện đảm bảo việc bảo mật đề kiểm tra trong quá trình ra đề, sao in, lưu giữ và tổ chức kiểm tra;
- + Thường xuyên kiểm tra, giám sát các khâu để đảm bảo kịp thời phát hiện, điều chỉnh, giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc kiểm tra, đánh giá học sinh.
- + Thực hiện việc rọc phách và chắm chéo các môn: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh và KHTN ở các khối lớp.

** Lưu ý: Việc xây dựng ma trận, bảng đặc tả thực hiện theo công văn số 7991/BGDĐT-GDTrH ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Bộ GDĐT về việc thực hiện kiểm tra, đánh giá đối với cấp THCS, THPT.*

Trên đây là kế hoạch kiểm tra giữa kì I, năm học 2025-2026 của Trường THCS Lê Quý Đôn. Đề nghị các tổ chuyên môn, các bộ phận có liên quan và cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện nghiêm túc kế hoạch này./.

Nơi nhận:

- Phòng VHXH (Báo cáo);
- Lãnh đạo (Chỉ đạo);
- Tổ trưởng chuyên môn (Chỉ đạo và thực hiện);
- CBVCNV (thực hiện);
- Lưu: VT.



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Khâm

A. Mẫu đề kiểm tra làm bài ra giấy riêng

UBND XÃ THẮNG BÌNH
TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề gồm...trang)

I. PHẦN I. (... điểm)

Câu 1. (... điểm)....

Câu 2. (... điểm)....

Câu... (... điểm)....

II. PHẦN II.(....0 điểm)

KIỂM TRA GIỮA KÌ I
NĂM HỌC 2025-2026
MÔN: - LỚP

Thời gian: ... phút
(không kể thời gian giao đề)

MÃ ĐỀ: A (B)

-----Hết-----

Họ và tên học sinh:.....Lớp.....SBD.....

B. Mẫu đề kiểm tra làm bài trực tiếp vào đề

Trường THCS Lê Quý Đôn Họ và tên: Lớp:...../... SBD:....-Phòng:.... MÃ ĐỀ: A (B)	KIỂM TRA GIỮA KỲ I NĂM HỌC 2025 - 2026 MÔN:.....LỚP: Thời gian làm bài:.... phút (không kể thời gian giao đề)	Điểm:
--	--	---------------

I. TRẮC NGHIỆM (.,0 điểm) Hãy khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng:

Câu 1:

Câu 2:

Câu:

II. TỰ LUẬN (...., 0 điểm)

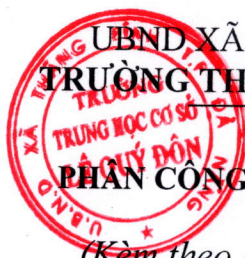
Câu 1. (..,0 điểm)

Câu 2. (...0 điểm)

Câu ... (...,0 điểm)

BÀI LÀM

[illegible]



UBND XÃ THĂNG BÌNH
TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHÂN CÔNG XÂY DỰNG MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ, ĐỀ VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM
KIỂM TRA GIỮA KÌ I - NĂM HỌC 2025-2026**

(Kèm theo Kế hoạch số: 35/KH-LQĐ ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Trường
THCS Lê Quý Đôn)

TT	Môn (phân môn)/lớp		Phân công giáo viên
01	Toán khối 6		Bùi Thị Thu Sương, Lê Thị Hạnh, Đoàn Thị Minh Hoàng, Đặng Thị Mỹ Hà,
02	Toán khối 7		Nguyễn Quang Nghĩa, Huỳnh Quang Duy, Nguyễn Hữu Hùng, Đoàn Thị Hải
03	Toán khối 8		Nguyễn Quang Nghĩa, Lê Thị Hạnh, Đoàn Thị Minh Hoàng, Bùi Thị Thu Sương
04	Toán khối 9		Nguyễn Quang Nghĩa, Huỳnh Quang Duy, Nguyễn Hữu Hùng, Võ Uyên Kiều, Nguyễn Thị Thanh Thuý
05	Tin khối 6		Võ Thị Tiểu Nguyệt
06	Tin khối 7		Mai Thị Thu Ba
07	Tin khối 8		Võ Thị Tiểu Nguyệt
08	Tin khối 9		Mai Thị Thu Ba
09	Ngữ văn khối 6		Nguyễn Thị Ái Diễm, Nguyễn Hữu Ánh, Doãn Thị Tố Loan Nguyễn Thị Anh
10	Ngữ văn khối 7		Vương Thị Yến, Võ Thị Thu.
11	Ngữ văn khối 8		Nguyễn Thị Anh, Doãn Thị Tố Loan
12	Ngữ văn khối 9		Vương Thị Yến Lê Thị Xuân, Võ Thị Thu, Vũ Thị Vỹ Đoan
13	Tiếng Anh khối 6		Nguyễn Đức Sự Nguyễn Thị Cẩm Hà Cao Thị Hoa



14	Tiếng Anh khối 7		Lê Thị Tường Lương Thị Bích Thuận
15	Tiếng Anh khối 8		Nguyễn Đức Sự Nguyễn Thị Cẩm Hà Cao Thị Hoa
16	Tiếng Anh khối 9		Trần Thị Hồng Lê Thị Tường Lương Thị Bích Thuận
17	KHTN khối 6	Vật lí	Võ Thị Sương Ông Thùy Trinh.
		Sinh học	Lê Thị Thuỳ Giang.
18	KHTN khối 7	Vật lí	Trương Thị Phương Dung. Võ Thị Ngọc. Ông Thùy Trinh.
		Hóa học	Nguyễn Thị Kiều Thu. Phan Thị Trường Chinh
19	KHTN khối 8	Vật lí	Võ Thị Sương, Võ Thị Ngọc, Trương Thị Phương Dung
		Hóa học	Phan Thị Dương Hà Lê Thị Xuân Hoa.
20	KHTN khối 9	Vật lí	Trương Thị Phương Dung, Võ Thị Ngọc
		Hoá học	Lê Thị Xuân Hoa, Nguyễn Thị Kiều Thu Phan Thị Trường Chinh
		Sinh học	Nguyễn Thị Thành, Phan Thị Ái Vân
21	Lịch sử&Địa lí khối 6		Nguyễn Thị Hoa Lê Thị Kiều Oanh
22	Lịch sử&Địa lí khối 7		Nguyễn Minh Thắng Nguyễn Thảo Ly Nguyễn Thị Lan Nguyễn Thị Hoa Lê Thị Kiều Oanh
23	Lịch sử&Địa lí khối 8		Nguyễn Thảo Ly Nguyễn Thị Lan
24	Lịch sử&Địa lí khối 9		Nguyễn Minh Thắng
25	GDCD khối 6		Châu Thị Anh Thương, Phan Đỗ Phương Quỳnh
26	GDCD khối 7		Phan Đỗ Phương Quỳnh, Lê Thị Xuân
27	GDCD khối 8		Lê Thị Hồng Lan Châu Thị Anh Thương
28	GDCD khối 9		Châu Thị Anh Thương,



29	GDDP khối 6		Trương Thị Hoàng Hoa, Bùi Thắng Lợi
30	GDDP khối 7		Nguyễn Văn Bình,
31	GDDP khối 8		Bùi Thắng Lợi
32	GDDP khối 9		Bùi Thắng Lợi
33	Công nghệ khối 6		Phan Thị Dương Hà,
34	Công nghệ khối 7		Phan Thị Ái Vân, Nguyễn Thị Thành
35	Công nghệ khối 8		Võ Thị Ngọc, Nguyễn Thị Kim Cúc
36	Công nghệ khối 9		Phan Thị Ái Vân, Nguyễn Thị Thành
37	Nghệ thuật khối 6	Mỹ thuật	Trương Thị Hoàng Hoa
38	Nghệ thuật khối 7	Mỹ thuật	Nguyễn Thị Xuân Liễu
39	Nghệ thuật khối 8	Mỹ thuật	Nguyễn Thị Xuân Liễu
40	Nghệ thuật khối 9	Mỹ thuật	Trương Thị Hoàng Hoa
41	Nghệ thuật khối 6, 8	Âm nhạc	Trương Thị Thu Hà
42	Nghệ thuật khối 7, 9	Âm nhạc	Nguyễn Phạm Minh Trang
43	GDTC khối 6		Trần Xuân Huy
44	GDTC khối 7		Nguyễn Văn Châu
45	GDTC khối 8		Nguyễn Thiên Phú
46	GDTC khối 9		Nguyễn Văn Thắng
47	HD TN-HN khối 6		Vũ Thuỳ Dung
48	HD TN-HN khối 7		Nguyễn Phạm Minh Trang
49	HD TN-HN khối 8		Doãn Thị Tố Loan
50	HD TN-HN khối 9		Lê Thị Xuân Hoa

